

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. BUÔN MA THUẬT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/9/2020

V/v: “Không công nhận vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 515/2020/TLST - HNGĐ ngày 07/7/2020, về việc: “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXX-ST ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

Ng đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 00, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Văn Ng; sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa Ng đơn bà Hồ Thị T trình bày có nội dung như sau:

Bà Hồ Thị T và ông Hồ Văn Ng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ ngày 16 tháng 12 năm 1987 xã Qu, huyện Qu, tỉnh Nghệ An. Đến năm 1997 bà

T và ông Ng chuyển đến phường T, thành phố B sinh sống cho đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, Ng nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vì vậy, bà T làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Hồ Văn Ng là vợ chồng.

- Về con chung: Theo bà Hồ Thị T thì trong quá trình sống chung bà và ông Ng có hai người con chung là: Hồ Văn H1, sinh năm 1988; Hồ Văn H 1991. Hiện nay hai con đã thành niên nên các con có quyền tự quyết định cuộc sống riêng của mình ông Ng bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Văn Ng trình bày:

Ông Ng thừa nhận lời trình bày của bà Hồ Thị T về quan hệ hôn nhân, thời gian sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng thực tế. Theo ông Ng thì sau khi cưới vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc. Ng nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Hơn nữa, đến hiện tại ông và bà T sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, ông Ng đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng. Về con chung hiện nay các con chung của ông và bà T đã đủ tuổi thành niên nên ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Hồ Thị T vẫn giữ Ng quan điểm yêu cầu HĐXX không công nhận bà và ông Hồ Văn Ng là vợ chồng, về con chung: Hiện nay các con chung giữa bà và ông Hồ Văn Ng là Hồ Văn H1, sinh năm 1988; Hồ Văn H, sinh năm 1991 đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Văn Ng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Hồ Thị T, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “Không công nhận vợ chồng” được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Hồ Thị T khởi kiện bị đơn ông Hồ Văn Ng cư trú tại phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết

vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ông Hồ Văn Ng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Hồ Văn Ng.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T và ông Hồ Văn Ng chung sống với nhau từ tháng 12/1987, trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Tuy nhiên, trước khi tổ về chung sống và trong quá trình sống chung, bà T và ông Ng không đến Ủy ban nhân dân xã, phường nơi ông bà chung sống để đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Không công nhận bà Hồ Thị T và ông Hồ Văn Ng là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình sống chung bà Hồ Thị T và ông Hồ Văn Ng có 02 người con chung con chung là Hồ Văn H1, sinh năm 1988; Hồ Văn H, sinh năm 1991. Hiện nay đã các con của bà T và ông Ng đã thành niên. Do vậy, các con có quyền tự quyết định cuộc sống riêng của mình nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị T và ông Hồ Văn Ng không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 266, và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của của Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ng đơn bà Hồ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị T và ông Hồ Văn Ng là vợ chồng.

- Về con chung: Hai con chung của bà T ông Ng là Hồ Văn H1, sinh năm 1988; Hồ Văn H, sinh năm 1991. Hiện nay đã thành niên nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị T và ông Hồ Văn Ng không yêu cầu, nên Tòa án đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0008285 ngày 02 tháng 7 năm 2020.

Ng đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

